TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĨNH GIA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Học

2/ Ông Nguyễn Duy Biên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXX - ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1993

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Sơn T - Sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới vào tháng 9/2012 và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc, lô đề về nhà hay chửi bới đánh đập chị, nhiều lần chị đã bỏ về nhà ngoại ở. Tháng 5/2015 chị đã làm đơn đề nghị TAND huyện Tĩnh Gia giải quyết cho

chị được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xin lỗi nên chị đã rút đơn, Tòa án đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng quay về đoàn tụ, chỉ được thời gian ngắn thì anh T lại tiếp tục chơi bời và đánh đập chị. Không thể chịu được, cuối tháng 6/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là cháu: Nguyễn Thu C - Sinh ngày: 29/3/2013. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai ngày 11/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 18/8/2017, bị đơn anh Nguyễn Sơn T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị H kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới năm 2012 và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi và có đánh bài gây ảnh hưởng đến gia đình nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, có lần chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, được thời gian vợ chồng lại quay về đoàn tụ. Đến tháng 5/2015 vợ chồng mâu thuẫn nên chị H làm đơn xin ly hôn, sau khi được hòa giải chị H lại rút đơn vợ chồng đoàn tụ. Đến tháng 6/2017, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra cải nhau và anh có đánh chị H nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân.

Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn chưa cần thiết về sống chung mà vẫn sống ly thân khoảng 02 năm để anh sửa chữa sai lầm của bản thân. Nếu không sửa chữa được sai lầm thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là cháu: Nguyễn Thu C - Sinh ngày: 29/3/2013. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H. Nếu ly hôn, do hiện nay cháu còn nhỏ nên anh đề nghị giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ.

- *Về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Sơn T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Sơn T kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T đều thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân do anh T chơi bời bài bạc từ đó gây nên mâu thuẫn và mất tình cảm vợ chồng. Sau nhiều lần mâu thuẫn, tháng 5/2013 chị H đã làm đơn xin ly hôn, nhưng được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn cho anh T cơ hội sửa chữa, vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con. Tuy nhiên, anh T vẫn không sửa chữa mà vẫn tiếp tục chơi bời, cờ bạc và đánh đập chị H. Từ tháng 6/2017 đến nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T.

Mặc dù anh T vẫn xin được đoàn tụ cùng với chị H, Tòa án mở phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh đều vắng mặt, như vậy thể hiện anh bỏ mặc không quan đến việc giải quyết vụ án cũng như tình cảm của vợ chồng.

Xét thấy, nguyện vọng xin được ly hôn của chị H là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, kéo dài trong nhiều năm (từ năm 2013 đến nay), chị H cũng đã cho anh T nhiều cơ hội để thay đổi, sửa chữa nhưng không có kết quả.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị H không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được HĐXX căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ xử cho chị H được ly hôn anh T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp pháp luật.

[3] Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu: Nguyễn Thu C - Sinh ngày: 29/3/2013. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 18/8/2017, anh T và chị H thống nhất nếu vợ chồng ly hôn, giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị H thống nhất anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000^{đ}. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2017. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn đề nghị được nuôi dưỡng cháu C, xét thấy cháu C còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, ngoài ra anh T cũng đã có ý kiến thống nhất. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Sơn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thu C, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 đến khi cháu C đủ tuổi thành niên.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002367 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Chị H đã nộp đủ.

Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với chị H kể từ ngày tuyên án, đối với anh T kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã H (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn